

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ TOÁN
Đầu tư ngành Cơ khí trở thành ngành đào tạo mũi nhọn
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2018-2020

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 15 tháng 2 năm 2017 Công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định 2804/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 5 năm 2017 về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn 10722/SLĐTBXH-GDNN của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 4 tháng 5 năm 2018 về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư ngành Cơ khí trở thành ngành đào tạo mũi nhọn của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Báo cáo 1428/BC-GDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 07 tháng 5 năm 2018 Thẩm định nội bộ về chủ trương đầu tư dự án "Đầu tư ngành Cơ khí thành ngành đào tạo mũi nhọn giai đoạn 2018-2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

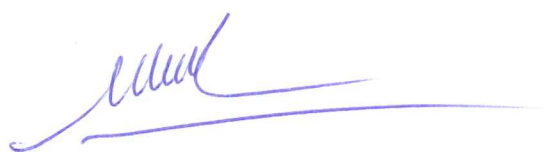
Căn cứ Nghị quyết 21/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08 tháng 10 năm 2018 về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công (Đợt 1/2018);

TT	NỘI DUNG	Ký hiệu	Công thức tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền sau thuế
I	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Gtb		166.712.418.182	16.671.241.818	183.383.660.000
1	Phòng Thí nghiệm Phay vạn năng			72.569.600.000	7.256.960.000	79.826.560.000
2	Phòng Thí nghiệm Công nghiệp CNC			61.449.181.818	6.144.918.182	67.594.100.000
3	Phòng Thí nghiệm Lập trình CNC			13.079.090.909	1.307.909.091	14.387.000.000
4	Phòng Thí nghiệm Đo lường			12.629.090.909	1.262.909.091	13.892.000.000
5	Phòng Thí nghiệm Khí nén			6.985.454.545	698.545.455	7.684.000.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gql	Gtb x 1,838%	3.064.174.246	306.417.425	3.370.591.671
III	CHI PHÍ TƯ VẤN	Gtv		2.027.223.005	202.722.301	2.229.945.306
1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi		Gtb x 0,446%	743.537.385	74.353.739	817.891.124
2	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi		Gtb x 0,079%	131.702.810	13.170.281	144.873.091
3	Chi phí thẩm định giá thiết bị		Gtb x 0,2%	333.424.836	33.342.484	366.767.320

TT	NỘI DUNG	Ký hiệu	Công thức tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền sau thuế
4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư thiết bị		$Gtb \times 0,106\%$	176.715.163	17.671.516	194.386.680
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị		$Gtb \times 0,05\%$	83.356.209	8.335.621	91.691.830
6	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị		$Gtb \times 0,335\%$	558.486.601	55.848.660	614.335.261
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk		1.074.804.669	107.480.467	1.182.285.136
1	Chi phí thẩm tra quyết toán vốn		$[(Gtb + Gql + Gtv) \times 0,348\%] \times 70\%$	418.514.094	41.851.409	460.365.504
2	Chi phí Kiểm toán		$[(Gtb + Gql + Gtv) \times 0,53\%] \times 70\%$	637.392.155	63.739.216	701.131.371
3	Chi phí thẩm định dự án		$(Gtb + Gql + Gtv) \times 0,011\%$	18.898.420	1.889.842	20.788.262
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp	$Gdp = Gdp1 + Gdp2$	8.643.931.005	864.393.101	9.508.324.106
1	Chi phí dự phòng do khối lượng công việc phát sinh	Gdp1		0	0	0
2	Chi phí dự phòng do trượt giá	Gdp2	$(Gtb + Gql + Gtv + Gk) \times 5\%$	8.643.931.005	864.393.101	9.508.324.106
VI	TỔNG KHAI TOÁN			181.522.551.108	18.152.255.111	199.674.806.218
VII	TỔNG KHAI TOÁN (làm tròn)					199.674.806.000

- Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm lẻ sáu nghìn đồng.

NGƯỜI LẬP DỰ TOÁN



Lâm Viết Dũng



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc